

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		4,007,170,466,135	4,388,614,632,763
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	965,913,143,060	1,298,619,003,857
1. Tiền		111		81,522,755,517	31,485,118,507
2. Các khoản tương đương tiền		112		884,390,387,543	1,267,133,885,350
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		269,481,146,201	128,384,747,714
1. Đầu tư ngắn hạn		121		279,263,426,201	138,167,027,714
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		(9,782,280,000)	(9,782,280,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		514,422,900,536	577,285,119,435
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	464,466,743,064	534,722,242,679
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	31,605,852,898	23,369,903,794
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.4	27,432,389,898	28,275,058,286
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		(9,082,085,324)	(9,082,085,324)
IV. Hàng tồn kho		140		2,130,163,796,918	2,228,389,598,540
1. Hàng tồn kho		141	V.5	2,181,026,550,154	2,301,566,070,320
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(50,862,753,236)	(73,176,471,780)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		127,189,479,420	155,936,163,217
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		1,418,315,370	1,495,455,602
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		72,256,706,790	92,657,134,536
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.6	245,281,167	8,942,525,760
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.7	53,269,176,093	52,841,047,319



Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1,853,308,123,305	1,881,317,171,189
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		113,033,146,763	112,489,382,844
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218	V.8	113,033,146,763	112,489,382,844
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		1,622,402,420,483	1,645,650,809,029
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	1,266,368,787,559	1,291,876,203,564
<i>Nguyên giá</i>		222		1,689,475,079,841	1,676,913,350,862
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(423,106,292,282)	(385,037,147,298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	98,575,223,459	99,024,434,708
<i>Nguyên giá</i>		228		104,315,433,082	104,256,753,082
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(5,740,209,623)	(5,232,318,374)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.11	257,458,409,465	254,750,170,757
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		9,068,753,530	9,068,753,530
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		2,180,000,000	2,180,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.12	7,000,000,000	7,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		(111,246,470)	(111,246,470)
V. Lợi thế thương mại		260		15,959,294,261	16,731,518,186
V. Tài sản dài hạn khác		270		92,844,508,268	97,376,707,600
1. Chi phí trả trước dài hạn		271	V.13	86,223,707,526	91,057,013,097
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		272	V.14	6,620,800,742	6,319,694,503
3. Tài sản dài hạn khác		273	V.15	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280		5,860,478,589,440	6,269,931,803,952

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		4,461,172,365,569	4,889,148,610,669
I. Nợ ngắn hạn		310		3,628,778,870,966	4,056,858,838,496
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.16	3,133,149,213,488	3,449,058,871,964
2. Phải trả người bán		312	V.17	172,964,364,195	135,868,027,758
3. Người mua trả tiền trước		313	V.18	13,269,677,441	8,525,302,719
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.19	14,619,878,460	18,446,907,372
5. Phải trả người lao động		315	V.20	29,498,817,717	38,688,257,921
6. Chi phí phải trả		316	V.21	115,469,448,123	105,484,633,458
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.22	61,346,051,952	211,370,253,272
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		88,461,419,590	89,416,584,032
II. Nợ dài hạn		330		832,393,494,603	832,289,772,173
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.23	828,632,880,684	828,632,880,684
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		3,760,613,919	3,656,891,489
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1,328,476,670,680	1,310,050,470,480
I. Vốn chủ sở hữu		410		1,328,476,670,680	1,310,050,470,480
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.24	700,000,000,000	700,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		177,876,869,236	177,876,869,236
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		90,329,156,069	88,506,239,451
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		57,269,894,068	58,470,998,521
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		13,769,908,805	13,769,908,805
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.24	289,230,842,501	271,426,454,467
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		500		70,829,553,191	70,732,722,803
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		5,860,478,589,440	6,269,931,803,952

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại (USD)			
a.	USD		846,543	664,110.00
b.	JPY		66,572	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 22 tháng 05 năm 2013

Phó Tổng giám đốc



Lê Văn Điệp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo		Đơn vị tính: VND
				Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,500,567,824,588	1,669,907,340,148	1,500,567,824,588	1,669,907,340,148	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	24,376,213,638	19,172,351,087	24,376,213,638	19,172,351,087	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,476,191,610,950	1,650,734,989,061	1,476,191,610,950	1,650,734,989,061	
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,315,468,879,409	1,392,368,656,298	1,315,468,879,409	1,392,368,656,298	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		160,722,731,541	258,366,332,763	160,722,731,541	258,366,332,763	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21,696,635,028	22,948,934,337	21,696,635,028	22,948,934,337	
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	58,252,111,094	114,539,334,301	58,252,111,094	114,539,334,301	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		55,132,443,873	115,543,555,213	55,132,443,873	115,543,555,213	
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	71,664,156,906	67,391,116,801	71,664,156,906	67,391,116,801	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23,545,915,853	29,928,764,405	23,545,915,853	29,928,764,405	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28,957,182,716	69,456,051,593	28,957,182,716	69,456,051,593	
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	468,050,882	904,874,478	468,050,882	904,874,478	
12.	Chi phí khác	32	VI.8	79,140,360	86,292,324	79,140,360	86,292,324	
13.	Lợi nhuận khác	40		388,910,522	818,582,154	388,910,522	818,582,154	
14.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50		-	-	-	-	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		29,346,093,238	70,274,633,747	29,346,093,238	70,274,633,747	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.9	11,444,874,816	7,013,841,087	11,444,874,816	7,013,841,087	
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	VI.9	-	-	-	-	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		17,901,218,422	63,260,792,660	17,901,218,422	63,260,792,660	
18.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số			96,830,388	(657,737,483)	96,830,388	(657,737,483)	
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			17,804,388,034	63,918,530,143	17,804,388,034	63,918,530,143	
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.10	254	254	254	254	

Kế toán trưởng

Luu Minh Trung

Cà Mau, ngày 22 tháng 05 năm 2013

CÔNG PHỐ TỔNG GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN

MINH PHÚ

TP. CÀ MAU - T. C. V. CAU MAU

Lê Văn Diệp

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT HẢI SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I năm 2013

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
				Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		29,346,093,238	70,274,633,747
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	39,349,260,158	16,476,156,547
-	Các khoản dự phòng	03		(22,332,815,352)	(43,024,492,617)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20,857,019,975)	(18,849,186,903)
-	Chi phí lãi vay	06		55,132,443,873	115,543,555,213
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		80,637,961,942	140,420,665,987
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		91,230,656,226	9,319,497,664
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		120,539,520,166	(207,087,291,006)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(115,629,892,234)	(240,967,205,630)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,910,445,803	(3,532,711,642)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(88,947,250,700)	(98,881,089,164)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8,866,734,176)	(5,246,638,151)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25	500,000,000	78,395,443
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,027,815,690)	(8,643,970,866)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		82,346,891,337	(414,540,347,365)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15,245,703,218)	(53,830,185,582)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(102,362,500,000)	7,000,000,000
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(36,168,478,488)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(3,807,117,411)	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20,857,019,975	18,849,186,903
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(136,726,779,142)	(27,980,998,679)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
				Năm 2013	Năm 2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, 23	1,828,998,500,860	1,880,009,259,977
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, 23	(2,107,372,142,707)	(1,754,206,717,012)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(278,373,641,847)	125,802,542,965
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(332,753,529,652)	(316,718,803,079)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,298,619,003,857	1,092,050,143,361
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47,668,855	1,940,283,897
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	965,913,143,060	777,271,624,179

Kế toán trưởng

Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 22 tháng 05 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Điệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý I năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang, Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú, Công ty TNHH 1TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú, Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Lộc An, Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Hòa Điền và Mseafood Corporation, (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – chế biến- thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua, chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản; Nhập khẩu nguyên vật liệu về chế biến hàng xuất khẩu; Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng; Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Trồng các loại thủy sản dưới nước; Sản xuất kinh doanh giống thủy sản. Kinh doanh tòa nhà cao ốc và văn phòng cho thuê.
4. **Tổng số các công ty con được hợp nhất** : 10
5. **Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Khu Công nghiệp phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	97,50 %	97,50 %
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	95,00%	95,00%
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	99,10%	99,10%
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	98,50%	98,50%
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	97,50%	97,50%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Ấp 1, xã Trí Phái, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	100%	100%
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Ấp An Bình, xã Lộc An, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	100%	100%
Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền		100%	100%
Mseafood Corporation	California – Hoa Kỳ	90%	90%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính quý I năm 2013 của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn thủy hải sản Minh Phú đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 27 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm :

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 43 – 50 năm, chi phí đền bù giải tỏa, san lấp mặt bằng được khấu hao trong 04 - 12 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-10 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân giữa quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân giữa quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hãng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% đến 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng

trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

17. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

18. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Mseafood

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong chín năm tiếp theo. Các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Công ty không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Công ty vẫn không có lợi nhuận chịu thuế. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Minh Phú – Hậu Giang vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú cũng cho phép Công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2015 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2010 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2011 đến năm 2019.

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2008 đến năm 2011 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2018.

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú –Lộc An

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Lộc An có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong mười năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Lộc An cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên công ty có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo. Các qui định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Công ty không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi công ty không có lợi nhuận chịu thuế. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Minh Phú –Lộc An vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Tôm sinh thái Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2010 đến năm 2024 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tôm sinh thái Minh Phú cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024.

Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Hòa Điền

Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Hòa Điền được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác chịu thuế suất 25%.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 05 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý liên quan đến giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả phát sinh trong quá trình mua cơ sở ở nước ngoài được coi là tài sản của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày mua.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.400.023.529	14.508.151.434
Tiền gửi ngân hàng	77.122.731.988	16.976.967.073
Các khoản tương đương tiền (*)	884.390.387.543	1.267.133.885.350
Cộng	<u>965.913.143.060</u>	<u>1.298.619.003.857</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	15.074.697.411	11.267.580.000
- Cổ phiếu	15.074.697.411	11.267.580.000
Đầu tư ngắn hạn khác	264.188.728.790	126.899.447.714
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống (*)	256.442.452.012	119.153.170.936
- Đầu tư ngắn hạn khác	7.746.276.778	7.746.276.778
Cộng	<u>279.263.426.201</u>	<u>138.167.027.714</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Chi nhánh Ngân hàng thương mại.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Từ 1/1/2013 đến 31/03/2013

Số dư đầu năm	(9.782.280.000)
Tăng dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	(9.782.280.000)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	19.604.713.619	13.069.588.746

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng nước ngoài	444.862.029.445	521.652.653.933
Cộng	464.466.743.064	534.722.242.679

Khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo khoản vay tại các ngân hàng thương mại thuyết minh V.22.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	12.019.683.332	23.369.903.794
Các nhà cung cấp nước ngoài	19.586.169.566	-
Cộng	31.605.852.898	23.369.903.794

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay dự thu	2.545.876.021	4.430.530.163
Phải thu người lao động (*)	6.683.672.436	8.580.952.385
Phải thu từ giải thể đơn vị đầu tư	-	5.786.178.618
Các khoản phải thu khác	18.202.841.441	9.477.397.120
Cộng	27.432.389.898	28.275.058.286

(*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không chịu lãi, và được hoàn trả khi có yêu cầu.

6. Dự Phòng phải thu khó đòi

Số đầu năm	(9.082.085.324)
Trích lập trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	(9.082.085.324)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	95.219.391.175	99.623.083.096
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.795.615.139	86.939.795.679
Thành phẩm	1.993.011.543.840	2.115.003.191.545
Cộng	2.181.026.550.154	2.301.566.070.320

Hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại (thuyết minh V.22).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Số đầu năm	(73.176.471.780)
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	(14.191.509.570)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	36.505.228.114
Số cuối năm	(50.862.753.236)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ với thời gian không quá 01 năm .

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho nhân viên (*)	52.333.310.495	51.808.029.928
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	935.865.598	1.033.017.391
Cộng	<u>53.269.176.093</u>	<u>52.841.047.319</u>

(*) Trong khoản tạm ứng cho nhân viên tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 có 50.153 triệu VND cho nhân viên tạm ứng để mua quyền sử dụng đất thay cho Tập đoàn.

12. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế chống bán phá giá tạm nộp (*)	113.033.146.763	112.489.382.844
Cộng	<u>113.033.146.763</u>	<u>112.489.382.844</u>

(*) Theo Luật chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty cổ phần Mseafood, một công ty con phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ thương mại Hoa kỳ (DOC). Hàng năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo thuế suất tạm tính do DOC quy định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	585.742.501.892	954.196.241.173	119.412.621.682	17.561.986.115	1.676.913.350.862
Tăng trong kỳ	9.122.941.615	3.436.143.560	-	2.643.804	12.561.728.979
Mua sắm mới và đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.072.009.955	3.436.143.560	-	-	12.508.153.515
Tăng khác	50.931.660			2.643.804	53.575.464
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	594.865.443.507	957.632.384.733	119.412.621.682	17.564.629.919	1.689.475.079.841
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.772.554.057	64.592.231.061	177.727.619	2.984.696.716	82.527.209.453
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	87.317.754.389	260.599.829.790	30.151.176.922	6.968.386.197	385.037.147.298
Tăng trong kỳ	7.100.339.091	26.811.257.648	3.788.412.883	369.135.362	38.069.144.984
Khấu hao trong kỳ	7.092.793.619	26.811.257.648	3.788.412.883	366.703.250	38.059.167.400
Tăng khác	7.545.472			2.432.112	9.977.584
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	94.418.093.480	287.411.087.438	33.939.589.805	7.337.521.559	423.106.292.282
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	498.424.747.503	693.596.411.383	89.261.444.760	10.593.599.918	1.291.876.203.564
Số cuối kỳ	500.447.350.027	670.221.297.295	85.473.031.877	10.227.108.360	1.266.368.787.559

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.885.220.791	2.371.532.291	104.256.753.082
Mua sắm mới và đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tăng khác	-	58.680.000	58.680.000
Số cuối kỳ	101.885.220.791	2.430.212.291	104.315.433.082
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.098.382.632	151.895.003	2.250.277.635
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.243.103.946	989.214.428	5.232.318.374
Khấu hao trong kỳ	443.271.765	64.619.484	507.891.249
Số cuối kỳ	4.686.375.711	1.053.833.912	5.740.209.623
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	97.642.116.845	1.382.317.863	99.024.434.708
Số cuối kỳ	97.198.845.080	1.376.378.379	98.575.223.459
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Từ 1/1/2013 đến 31/03/2013

Số dư đầu năm	254.184.002.641
Tăng trong kỳ	13.816.976.503
Chuyển sang tài sản trong kỳ	(10.542.569.679)
Số dư cuối kỳ	257.458.409.465

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300108975 ngày 24 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, vốn góp của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang là 80.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính, Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú đã đầu tư 2.180.000.000 VND, tương đương 0,79% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cảng Minh Phú Hậu Giang. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang là 78.420.000.000 VND.

17. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau ^(a)	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	7.000.000.000

^(a) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau tương đương 10% vốn điều lệ

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Từ 1/1/2013 đến 31/03/2013

Số dư đầu năm	(111.246.470)
Tăng dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	(111.246.470)

18. Lợi thế thương mại

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2008, Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú mua lại 90% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Mseafood Corporation, một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ chuyên mua bán mặt hàng thủy sản được nhập từ các công ty tại Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ.

Lợi thế thương mại phát sinh vào ngày mua trị giá USD 1,819,459.00 (tương đương 30.888.957.000 VND) đã được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	16.731.518.186
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ trong kỳ	(772.223.925)
Số cuối kỳ	15.959.294.261

19. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	91.057.013.097
Tăng trong kỳ	678.286.595
Phân bổ trong kỳ	(5.511.592.166)
Số cuối kỳ	86.223.707.526

Khoản chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí trả tiền thuê đất phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản tại công con Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An và phần chi phí trả trước công cụ, dụng cụ và chi phí trong giai đoạn thành lập Công ty chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang.

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	2.857.472.713.488	3.148.072.571.964
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau ^(a)	52.026.300.000	85.435.800.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (b)	2.481.318.627.989	2.666.236.503.559
Ngân hàng Quốc tế -VIB Cà Mau	61.796.247.551	-
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau ©	158.654.630.131	213.856.890.180
Vay Ngân Hàng HSBC (VN) ^(d)	103.676.907.817	99.231.378.225
Vay Ngân hàng nước ngoài	-	83.312.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	275.676.500.000	300.986.300.000
Vay dài hạn đến hạn trả ^(e)	75.676.500.000	100.986.300.000
Trái phiếu đến hạn trả ^(f)	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	3.133.149.213.488	3.449.058.871.964

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình, hàng tồn kho và các khoản phải thu tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, một số máy móc thiết bị, hàng tồn kho và các khoản phải thu tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- (d) Khoản vay Ngân Hàng HSBC(VN) dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được thế chấp bằng hàng tồn kho tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Nhà Máy chế biến thủy sản Hậu Giang dùng để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Khoản vay này được thế chấp bằng hàng tồn kho.
- (f) Trái phiếu Vietinbank đến hạn trả: Là khoản trái phiếu ghi sổ, không chuyển đổi kỳ hạn 03 năm, phát hành ngày 22 tháng 12 năm 2010, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, tiền lãi ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 22 tháng 12 năm 2013.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	3.449.058.871.964
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	2.157.750.863.971
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(2.473.660.522.447)</u>
Số cuối kỳ	<u>3.133.149.213.488</u>

22. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	159.177.025.741	123.392.382.000
Các nhà cung cấp nước ngoài	13.787.338.454	12.475.645.758
Cộng	<u>172.964.364.195</u>	<u>135.868.027.758</u>

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	947.495.440	2.105.336.862
Các khách hàng nước ngoài	12.322.182.001	6.419.965.857
Cộng	<u>13.269.677.441</u>	<u>8.525.302.719</u>

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.132.193.004	47.273.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.728.714.404	17.318.452.460
Thuế thu nhập cá nhân	758.971.052	1.061.148.212
Các loại thuế khác	-	20.033.700
Cộng	<u>14.619.878.460</u>	<u>18.446.907.372</u>

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Muối tinh chế, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tôm giống	Không chịu thuế
- Tôm nguyên liệu, tôm sơ chế, thức ăn nuôi tôm	5%
- Thành phẩm tôm đã hấp chín	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản và sản xuất tôm giống thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng nên thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty TNHH thủy sản Minh Phú - Kiên Giang và Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH 1TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú, Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú Lộc An, Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền không được khấu trừ.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

26. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước thuế chống phá giá và dịch vụ thuê ngoài phải trả	115.469.448.123	105.484.633.458
Cộng	<u>115.469.448.123</u>	<u>105.484.633.458</u>

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	6.805.562.750	175.000.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.064.089.070	921.651.909
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.000.000.000	11.000.000.000
Lãi vay phải trả	32.655.243.830	16.594.132.719
Hoa hồng môi giới xuất khẩu	408.850.347	392.099.083
Tiền thuê đất phải trả	4.779.359.064	4.779.359.064
Các khoản phải trả khác	4.632.946.891	2.683.010.497
Cộng	<u>61.346.051.952</u>	<u>211.370.253.272</u>

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	89.416.584.032
Tăng trong kỳ	-
Chi quỹ	(955.164.442)
Số cuối kỳ	<u>88.461.419.590</u>

29. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(a)	429.619.180.684	429.619.180.684
Trái phiếu ^(b)	700.000.000.000	700.000.000.000
	<u>1.129.619.180.684</u>	<u>1.129.619.180.684</u>
Phải trả trong vòng 12 tháng	(309.986.300.000)	(309.986.300.000)
Phải trả sau 12 tháng	<u>828.632.880.684</u>	<u>828.632.880.684</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

- (b) Trái phiếu Vietinbank ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 03 năm, phát hành ngày 31 tháng 03 năm 2011, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, tiền lãi ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 31 tháng 03 năm 2014.

30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	3.656.891.489
Số trích lập bổ sung	481.911.744
Số đã chi	(378.189.314)
Số cuối năm	3.760.613.919

31. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu	700.000.000.000	-	-	700.000.000.000
Thặng dư cổ phần	177.876.869.236	-	-	177.876.869.236
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	88.506.239.451	1.822.916.618	-	90.329.156.069
Lợi nhuận chưa phân phối	271.426.454.467	17.804.388.034	-	289.230.842.501
Quỹ đầu tư và phát triển	58.470.998.521	-	(1.201.104.453)	57.269.894.068
Quỹ dự phòng tài chính	13.769.908.805	-	-	13.769.908.805
Tổng cộng	1.310.050.470.480	19.627.304.652	(1.201.104.453)	1.328.476.670.679

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	70.829.553.191	70.732.722.803
Cộng	70.829.553.191	70.732.722.803

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Tổng doanh thu	1.500.567.824.588	1.500.567.824.588
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Hàng bán bị trả lại	(24.376.213.638)	(24.376.213.638)
Doanh thu thuần	1.476.191.610.950	1.476.191.610.950

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, vật tư đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.008.088.968	1.008.088.968
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.688.546.060	20.688.546.060
Cộng	21.696.635.028	21.696.635.028

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	55.132.443.873	55.132.443.873

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.127.902.647	1.127.902.647
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.703.367	12.703.367
Lỗi do bán các loại chứng khoán	1.979.061.207	1.979.061.207
Cộng	58.252.111.094	58.252.111.094
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí cho nhân viên	2.321.787.457	2.321.787.457
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	385.653.797	385.653.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.429.170	61.429.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.583.125.705	57.583.125.705
Chi phí khác	11.312.160.777	11.312.160.777
Cộng	71.664.156.906	71.664.156.906
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí cho nhân viên	10.195.167.663	10.195.167.663
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	430.128.335	430.128.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.862.179.412	1.862.179.412
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.507.436.543	1.507.436.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.090.561	406.090.561
Chi phí khác	9.144.913.339	9.144.913.339
Cộng	23.545.915.853	23.545.915.853
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.804.388.034	17.804.388.034
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.804.388.034	17.804.388.034
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	254	254
<i>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:</i>		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
8. Các công cụ tài chính		
a. Quản lý rủi ro tài chính		

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn gặp phải do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản dài hạn khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/03/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền	(ii)	961.513.119.531	1.284.110.852.423
Tiền gửi có kỳ hạn	(iii)	256.442.452.012	119.153.170.936
Các khoản cho vay	(iv)	7.746.276.778	7.746.276.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(v)	482.817.047.638	553.915.215.641
		1.708.518.895.959	1.964.925.515.778

(ii) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản dài hạn khác

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản dài hạn khác của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iv) Khoản cho hộ nuôi tôm vay

Khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn. Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn có thể thu hồi khoản vay này bằng việc thu mua tôm thu hoạch được trong tương lai.

(v) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 15 đến 60 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Tập đoàn tin rằng ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<i>Từ 1/1/2013 đến 31/03/2013</i>
Số dư đầu năm	9.082.085.324
Tăng dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập	-
Số dư cuối kỳ	9.082.085.324

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn chịu rủi ro hối đoái đối với các giao dịch bán hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD	
	31/03/2013	31/12/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền	919.152	664.110
Phải thu khách hàng	7.418.843	15.856.451
Các tài sản tiền tệ khác	75.182	525.195
Phải trả người bán	(346.897)	(235.657)
Vay ngắn hạn	(119.736.134)	(133.166.795)
Vay dài hạn	(6.172.790)	(9.447.014)
Các khoản nợ tiền tệ khác	-	(1.135.862)
	(117.842.644)	(126.939.571)

Tỷ giá ngoại tệ được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/03/2013	31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

	VND	VND
1 USD	20.920	20.815

Sự suy yếu 1% của VND đối với USD vào thời điểm cuối kỳ có thể ảnh hưởng đến khoản lợi nhuận thuần như được trình bày dưới đây. Việc đánh giá này giả sử tất cả các tham biến khác, cụ thể là lãi suất, không thay đổi.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Giảm lợi nhuận thuần	(20.651.109.466)	(22.112.702.630)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	31/03/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	884.390.387.543	1.267.133.885.350
Tiền gửi có kỳ hạn	256.442.452.012	119.153.170.936
	1.140.832.839.555	1.386.287.056.286
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	77.122.731.988	16.976.967.073
Các khoản vay ngắn hạn	(2.857.472.713.488)	(3.148.072.571.964)
Vay dài hạn	(429.619.180.684)	(429.619.180.684)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	(700.000.000.000)	(700.000.000.000)
	(4.064.214.626.160)	(4.260.714.785.575)

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi khiến Tập đoàn chịu rủi ro thay đổi lãi suất. Tập đoàn không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ tài chính ngắn hạn xấp xỉ giá trị hợp lý do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ này.

Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi và vay dài hạn - được phân loại là nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị phân bổ - dựa trên giá trị hiện tại của các dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 không khác biệt nhiều so với giá trị ghi sổ.

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của tài sản và nợ dài hạn khác nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

(ii) **Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.151.912.708.868	1.151.912.708.868
Chi phí nhân công	115.880.171.097	115.880.171.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.994.734.982	38.994.734.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.382.574.164	84.382.574.164
Chi phí khác	22.264.963.706	22.264.963.706
Cộng	<u>1.413.435.145.817</u>	<u>1.413.435.145.817</u>

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn có quan hệ liên quan với các công ty liên kết, các cổ đông và công ty sở hữu bởi các cổ đông chính:

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo công nợ liên quan giữa các bên trong tập đoàn như sau :

1. Công nợ phải thu

a. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú (Công ty mẹ)

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	7.537.080.600
2	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	6.859.770.550
3	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	18.277.815.800
4	Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	661.139.988
5	Công ty Mseafood Corporation	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	197.913.788.754
6	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	26.497.809.448
	Tổng cộng		257.747.405.140

b. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Qui

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	178.438.157.887
2	Công ty Mseafood Corporation	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	24.430.496.539
	Tổng cộng		202.868.654.426

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

c. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	27.885.519.335
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	3.671.064.672
	Tổng cộng		31.556.584.007

d. Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	520.000.000
	Tổng cộng		520.000.000

e. Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	689.003.019
2	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	1.497.135.200
3	Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	362.244.500
	Tổng cộng		2.548.382.719

f. Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	201.049.796.675
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	27.952.129.532
3	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	830.672.329
	Tổng cộng		229.832.598.536

g. Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	1.199.063.000
2	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	10.400.000
3	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	492.760.000
4	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	1.288.500.000
	Tổng cộng		2.990.723.000

h. Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	86.943.856
2	Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	474.950.549
	Tổng cộng		561.894.405

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

i. Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	3.755.805.554
	Tổng cộng		3.755.805.554

Tổng công nợ phải thu là : 732.382.047.787 đồng

2. Công nợ phải trả

a. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú (Công ty mẹ)

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	178.438.157.887
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	27.885.519.335
3	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	201.049.796.675
	Tổng cộng		407.373.473.897

b. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	3.671.064.672
2	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	27.952.129.532
	Tổng cộng		31.623.194.204

c. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	830.672.329
	Tổng cộng		830.672.329

d. Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	7.537.080.600
2	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	689.003.019
3	Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	1.199.063.000
	Tổng cộng		9.425.146.619

e. Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	10.400.000
2	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	86.943.856
3	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	3.755.805.554
4	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	26.497.809.448
	Tổng cộng		30.350.958.858

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

f. Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	6.859.770.550
2	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	1.497.135.200
3	Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	492.760.000
	Tổng cộng		8.849.665.750

g. Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	18.277.815.800
2	Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	1.288.500.000
	Tổng cộng		19.566.315.800

h. Công ty Mseafood Corporation

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	197.913.788.754
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	24.430.496.539
	Tổng cộng		222.344.285.293

i. Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	661.139.988
2	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	520.000.000
3	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	362.244.500
4	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	474.950.549
	Tổng cộng		2.018.335.037

Tổng cộng nợ phải trả là : 732.382.047.787 đồng

3. Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ**a. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú**

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ	93.953.734.640
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ	66.453.916.097
	Tổng cộng		160.407.650.737

b. Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ	9.834.746.606
	Tổng cộng		9.834.746.606

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

c. Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ	7.015.665.610
	Tổng cộng		7.015.665.610

d. Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Hòa Điền

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ	1.208.697.857
	Tổng cộng		1.208.697.857

e. Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ	2.761.206.111
	Tổng cộng		2.761.206.111

Tổng phải trả ứng trước :181.227.966.921 đồng

4. Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ

a. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ	93.953.734.640
	Tổng cộng		93.953.734.640

b. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ	66.453.916.097
	Tổng cộng		66.453.916.097

c. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ	7.015.665.610
2	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ	9.834.746.606
3	Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Hòa Điền	Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ	1.208.697.857
	Tổng cộng		18.059.110.073

d. Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ	2.761.206.111
	Tổng cộng		2.761.206.111

Tổng phải thu ứng trước :181.227.966.921 đồng

5. Phải thu khác

a. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú –	Phải thu tiền cổ tức	23.413.037.776

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

	Kiên Giang		
2	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Phải thu tiền góp vốn thừa	21.639.788.414
	Tổng cộng		45.052.826.190

Tổng công nợ phải thu khác là : 45.052.826.190

6. Phải trả khác

b. Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải trả tiền cổ tức	23.413.037.776
	Tổng cộng		23.413.037.776

c. Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải thu tiền góp vốn thừa	21.639.788.414
	Tổng cộng		21.639.788.414


Tổng công nợ phải trả khác là : 45.052.826.190

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2011, trong phạm vi có liên quan, các Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.


 Lưu Minh Trung
 Kế Toán trưởng


 Cà Mau, ngày 22 tháng 05 năm 2013

 Lê Văn Diệp
 P. Tổng Giám đốc